

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ QUẾ VÕ
TỈNH BẮC NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 40/2025/QĐST-DS

Quế Võ, ngày 22 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 14 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 137/2024/TLST-DS ngày 31 tháng 12 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V1.

Địa chỉ: Số H L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D - Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Đào Tuấn V, sinh năm 2000; Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, Số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

2. Người kế thừa một phần quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng TMCP V1: Công ty cổ phần M; Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, Số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T - Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Nguyễn Tuấn A, sinh năm 1995; Địa chỉ: Tầng A, tòa nhà V, Số I D, phường D, quận C, thành phố Hà Nội.

3. Bị đơn: Anh Vũ Văn C, sinh năm 1996; Địa chỉ: khu phố V, phường C, thị xã Q, tỉnh Bắc Ninh.

4. Người đại diện theo ủy quyền của anh C: Ông Đoàn Quang H, sinh

năm 1983; Địa chỉ: khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

II. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Tính đến ngày 14/5/2025 anh Vũ Văn C có nghĩa vụ trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 số tiền còn nợ như sau:

- Trả cho Công ty cổ phần M tổng số tiền 5.427.939.497 đồng, trong đó: 4.687.438.529 đồng tiền nợ gốc, 700.331.261 đồng tiền nợ lãi, 40.169.707 đồng tiền lãi chậm trả (tương đương 90% dư nợ của Hợp đồng cho vay số LN2306089390028 ngày 23/6/2023, Hợp đồng cho vay số LN2306089391563 ngày 03/7/2023 và 100% dư nợ của Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/6/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 với anh C).

- Trả cho Ngân hàng TMCP V1 tổng số tiền 572.867.423 đồng, trong đó: 498.611.100 đồng tiền nợ gốc, 70.192.746 đồng tiền nợ lãi, 4.063.577 đồng tiền lãi chậm trả (tương đương 10% dư nợ của Hợp đồng cho vay số LN2306089390028 ngày 23/6/2023, Hợp đồng cho vay số LN2306089391563 ngày 03/7/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 với anh C).

2. Kể từ ngày 15/5/2025 cho đến khi thi hành án xong, anh C phải tiếp tục trả cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2306089390028 ngày 23/6/2023, Hợp đồng cho vay số LN2306089391563 ngày 03/7/2023, và Giấy đề nghị vay vốn có tài sản bảo đảm kiêm phương án sử dụng vốn; giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ tín dụng; giấy đề nghị kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ ngân hàng điện tử ngày 06/6/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 với anh C.

3. Nếu anh C không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, thì Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ các tài sản bảo đảm để thu hồi nợ gồm: Thửa đất số 430, tờ bản đồ số 32 tại khu L, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh, cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, theo thỏa thuận tại Hợp đồng thế chấp số 9390028/TC ngày 30/6/2023 và văn bản thỏa thuận ngày 30/6/2023 ký kết giữa Ngân hàng TMCP V1 với anh C.

4. Trường hợp số tiền thu hồi từ việc xử lý tài sản bảo đảm vẫn không đủ trả các khoản nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1, thì anh C

phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Công ty cổ phần M và Ngân hàng TMCP V1 cho tới khi thanh toán hết nợ.

5. Anh C phải trả cho Ngân hàng TMCP V1 15.000.000 đồng tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

6. Giảm 50% mức án phí cho anh C. Anh C phải chịu 42.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại Ngân hàng TMCP V1 56.798.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0003182 ngày 31/12/2024 của Chi cục THADS thị xã Q.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND thị xã Quế Võ;
- Chi cục THADS thị xã Quế Võ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phan Minh Đức